

R_x Thuốc kê đơn

THEROCAN

GMP - WHO

Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng

R_x Thuốc kê đơn

THEROCAN

Trị ho, tiêu đờm, viêm họng, viêm amidan



Thành phần:

Thành phần hoạt chất: Cao khô hỗn hợp 16:1 (tương đương với 3,1g dược liệu gồm)				194mg
Huyền sâm (<i>Radix Scophulariae</i>)	500mg	Bách bộ (<i>Radix Stemonae tuberosae</i>)		500mg
Cam thảo (<i>Radix Glycyrrhizae</i>)	100mg	Trần bì (<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>)		500mg
Cát cánh (<i>Radix Platycodi grandiflori</i>)	200mg	Xạ can (<i>Rhizoma Berlamcandae</i>)		500mg
Mạch môn (<i>Radix Ophiopogonis japonici</i>)	200mg	Bạch tật lê (<i>Fructus Tribuli terrestris</i>)		500mg
Kính giới (<i>Herba Elsholtzia ciliatae</i>)	100mg			
Tá được bảo quản: Nipagin				
Tá được bảo quản: Nipasol				
Tá được khác: Avicel PH 101, Talc, Magnesi stearat, PVP K30				Vừa đủ 1 viên

Bảo quản: Nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C. tránh ánh sáng trực tiếp.

Tiêu chuẩn: TCCS

Để xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

GMP - WHO



Cơ sở sản xuất:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VYT HẢI DƯƠNG

Đ/c: Số 102 phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

ĐT: (0220)3.853848 - Fax: (0220)3.853848

Chỉ định:

Trị ho, tiêu đờm, viêm họng, viêm amidan.

Liều dùng - Cách dùng:

- Người lớn: uống 3 - 4 viên/ lần, ngày 2 - 3 lần.

- Trẻ em: uống 1 - 2 viên/ lần, ngày 2 - 3 lần.

Chống chỉ định:

- Không dùng cho phụ nữ có thai.

- Người tỳ vị hư không nên dùng.

- Trẻ em dưới 30 tháng tuổi, người có tiền sử đông kinh hoặc

có giât đo sốt cao

SĐK/Reg.No:

Số lô sx/Lot.No:

NSX/Mfg.Date:

HD/Exp.Date:

Mẫu màng vỉ



BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 23/10/2019



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Tên thuốc: ^{Rx}THEROCAN

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Để xa tầm tay trẻ em.

Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc.

1. Thành phần công thức thuốc:

Thành phần hoạt chất: Cao khô hỗn hợp 16:1 (tương đương với 3,1g dược liệu gồm)		 194 mg
Huyền sâm (<i>Radix Scophulariae</i>)	500mg	
Cam thảo (<i>Radix Glycyrrhizae</i>)	100mg	
Cát cánh (<i>Radix Platycodi grandiflori</i>)	200mg	
Mạch môn (<i>Radix Ophiopogonis japonici</i>)	200mg	
Kinh giới (<i>Herba Elsholtziae ciliatae</i>)	100mg	
Bách bộ (<i>Radix Stemonae tuberosae</i>)	500mg	
Trần bì (<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>)	500mg	
Xạ can (<i>Rhizoma Berlamcandae</i>)	500mg	
Bạch tật lê (<i>Fructus Tribuli terrestris</i>)	500mg	
Tá dược bảo quản: Nipagin	0,8 mg	
Tá dược bảo quản: Nipasol	0,4 mg	
Thành phần tá dược khác: Avicel PH 101, Talc, Magnesi stearate, PVP K30.	Vừa đủ 1 viên.	

2. Dạng bào chế: Viên nang cứng, màu xanh sẫm, bên trong chứa bột thuốc màu nâu sẫm, mùi thơm dược liệu, vị hơi đắng.

3. Chỉ định:

- Điều trị ho, tiêu đờm, viêm họng, viêm amidan.

4. Cách dùng, liều dùng:

4.1. Liều dùng:

- Người lớn: 3-4 viên/lần x 2-3 lần/ngày.

- Trẻ em: 1-2 viên/ lần x 2-3 lần/ngày.

4.2. Cách dùng:

Dùng thuốc theo đường uống.

5. Chống chỉ định:

- Không dùng cho phụ nữ đang mang thai.

- Người tỳ vị hư không nên dùng.

- Trẻ em dưới 30 tháng tuổi, người có tiền sử động kinh hoặc co giật do sốt cao.

6. Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc:

- Thận trọng khi sử dụng cho người huyết áp thấp.

7. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú:

- Phụ nữ có thai: Không dùng thuốc cho phụ nữ có thai

- Phụ nữ cho con bú: Chưa có thông tin về sử dụng thuốc cho phụ nữ đang cho con bú.

8. Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc:

Thuốc dùng được khi đang lái xe và vận hành máy móc.

9. Tương tác thuốc, tương kỵ của thuốc:

Tương tác thuốc: Không dùng chung với Lê Lô.

Do không có nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

10. Tác dụng không mong muốn của thuốc:

Chưa ghi nhận được báo cáo về phản ứng có hại của thuốc.

Thông báo ngay cho bác sỹ hoặc dược sỹ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

11. Quá liều và cách xử trí:

11.1. Quá liều:

Không có dữ liệu về sử dụng thuốc quá liều, không dùng quá liều chỉ định của thuốc

11.2. Xử trí:

Tích cực theo dõi để có biện pháp xử trí kịp thời

12. Quy cách đóng gói:

Hộp 3 vỉ x 10 viên; kèm hướng dẫn sử dụng.

0110
NG
PH
C V
Y T
HAI DU
DUNG

Y
T
HAI DU
DUNG

13. Điều kiện bảo quản, hạn dùng, tiêu chuẩn chất lượng của thuốc:

Điều kiện bảo quản: Nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng trực tiếp.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS.

14. Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc:



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VITYT HẢI DƯƠNG

Đ/c: Số 102 phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương

ĐT: 02203.853.848

Fax: 02203.853.848



TUQ.CỤC TRƯỞNG
P.TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Ngọc Anh

